**Phụ lục I**

**PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU ĐIỀU TRA**

1. **Dàn mẫu**

Dàn chọn mẫu điều tra giá sản xuất dịch vụ được lập dựa trên cơ sở dữ liệu điều tra doanh nghiệp năm 2020 (số liệu của năm 2019), điều tra cơ sở SXKD cá thể năm 2019 cập nhật kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và kết hợp với cơ sở dữ liệu thuế để xác định doanh thu của sản phẩm dịch vụ của đơn vị theo ngành sạch. Dàn mẫu được lập như sau:

***1.1. Dàn mẫu doanh nghiệp sản xuất dịch vụ***

Bước 1: Dựa vào số liệu điều tra doanh nghiệp 2020, lập danh sách các doanh nghiệp thuộc các ngành được chọn để thu thập thông tin về giá sản xuất dịch vụ bao gồm các thông tin sau: thông tin định danh (mã số thuế, tên doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại, các thông tin về chủ doanh nghiệp: tuổi, giới tính, trình độ, dân tộc), doanh thu theo ngành kinh tế cấp 5 theo ngành sạch, số lao động.

Bước 2: Cập nhật các thông tin của doanh nghiệp được lập tại Bước 1 dựa trên cơ sở dữ liệu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và cơ sở dữ liệu thuế.

Dàn mẫu sử dụng để chọn mẫu đối với doanh nghiệp của Điều tra giá sản xuất dịch vụ bao gồm toàn bộ danh sách doanh nghiệp và các thông tin đã được cập nhật tại Bước 2.

***1.2. Dàn mẫu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể***

Bước 1: Dựa vào số liệu điều tra sơ sở, kinh doanh cá thể năm 2019, lấy tất cả cơ sở có sản xuất dịch vụ thuộc các ngành được chọn để thu thập thông tin về giá sản xuất dịch vụ bao gồm các thông tin sau: thông tin về định danh (mã số thuế (nếu có), tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại, các thông tin về chủ cơ sở: tuổi, giới tính, trình độ, dân tộc), doanh thu, số lao động.

Bước 2: Cập nhật các thông tin của cơ sở được lập tại Bước 1 dựa trên cơ sở dữ liệu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Dàn mẫu sử dụng để chọn mẫu đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể của Điều tra giá sản xuất dịch vụ bao gồm toàn bộ danh sách cơ sở và các thông tin đã được cập nhật tại Bước 2.

**2. Chọn mẫu**

Dựa vào dàn mẫu, mẫu điều tra được chọn theo các bước sau:

* Mẫu điều tra các doanh nghiệp sản xuất dịch vụ

Bước 1: Lập danh sách doanh nghiệp của cả nước theo từng ngành cấp 5, mỗi ngành cấp 5 là một danh sách tương ứng gồm các thông tin cơ bản từ dàn mẫu.

Bước 2: Ở mỗi danh sách ngành kinh tế cấp 5, sắp xếp các doanh nghiệp theo thứ tự doanh thu giảm dần.

Bước 3: Chọn các doanh nghiệp đã được sắp xếp tại Bước 2 theo thứ tự từ doanh nghiệp có doanh thu cao nhất đến doanh nghiệp tại điểm cắt doanh thu cộng dồn đạt 70%.

Phương pháp chuyên gia cũng được kết hợp trong công tác chọn mẫu đối với doanh nghiệp nhằm giảm bớt khối lượng điều tra không cần thiết đối với các ngành có số doanh nghiệp được chọn vào mẫu quá lớn cũng như bổ sung doanh nghiệp đối với các ngành có số lượng doanh nghiệp được chọn mẫu quá nhỏ (dưới 15 doanh nghiệp) và vẫn đảm bảo mức độ đại diện theo yêu cầu.

- Mẫu điều tra cơ sở sản xuất dịch vụ cá thể

Bước 1: Lập danh sách cơ sở sản xuất dịch vụ theo từng ngành sản phẩm cấp 5. Mỗi ngành cấp 5 là một danh sách tương ứng gồm các thông tin cơ bản từ dàn mẫu.

Bước 2: Cơ sở sản xuất dịch vụ được chọn từ danh sách đã được sắp xếp theo doanh thu và lao động giảm dần bằng phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số lượng CS SXKD CT** | **Số mẫu điều tra** | **Ghi chú** |
| 1 | Từ 1 đến 5 cơ sở | Điều tra toàn bộ |  |
| 2 | Từ 6 đến 70 cơ sở | 6 |  |
| 3 | Từ 71 đến 200 cơ sở | 10 |  |
| 7 | Từ 201 cơ sở đến 500 cơ sở | 20 |  |
| 10 | Từ 501 cơ sở trở lên | Điều tra 1,5% số cơ sở |  |

**Phụ lục II**

**Phiếu số 01/ĐTG-DV**

**PHIẾU ĐIỀU TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN** GIÁ SẢN XUẤT DỊCH VỤ | | | |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  | **Ngày …. tháng …. năm 20...** | | | |  |  |
| **1. Tên đơn vị điều tra:** | | | | | | | | |
| **2. Địa chỉ đơn vị điều tra:** | | | | | | | | |
|  | Tỉnh/TP trực thuộc TW: | | | | | | | |
|  | Huyện/Quận (thị xã, TP thuộc tỉnh): | | | | | | | |
|  | Xã/phường/thị trấn: | | | | | | | |
|  | Thôn, ấp (số nhà, đường phố): | | | | | | | |
| **3. Mã số thuế của đơn vị điều tra (nếu có):** | | | | | | | | |
| **4. Số điện thoại của đơn vị điều tra:** | | | | | | | | |
| **5. Email:** | | | | | | | | |
| **6. Tên điều tra viên:** | | | | | | | | |
| **7. Giá sản phẩm điều tra trong tháng:** | | | | | | | | |
| STT | Tên sản phẩm | | | Mã ngành sản phẩm (VCPA) | Mã số | Đơn vị tính | Giá điều tra | Ghi chú (nguyên nhân biến động giá hoặc không thu thập được giá) |
|
|
| A | B | | | C | D | E | 1 | 2 |
| 1 |  | | |  |  |  |  |  |
| 2 |  | | |  |  |  |  |  |
| 3 |  | | |  |  |  |  |  |
| … |  | | |  |  |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |  |  |